

Bộ, tỉnh: Thành phố Đà Nẵng

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Sơn Trà

Mã đơn vị: 1127102

Loại hình đơn vị: Khối THPT

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						494.179						
4	Tài sản cố định khác						494.179						
	Bộ thiết bị cơ khí cỡ nhỏ	Bộ	1				17.910						
	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	bộ	1				38.780						
	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	bộ	1				38.780						
	Cột, bảng rô	bộ	1				11.630						
	Thiết bị âm thanh đa năng di động	bộ	1				14.800						
	Thiết bị âm thanh đa năng di động	bộ	1				14.800						
	Thiết bị đo nồng độ oxy hòa tan trong nước	cái	1				11.260						
	Thiết bị đo nồng độ oxy hòa tan trong nước	cái	1				11.260						
	Thiết bị đo nồng độ hàm lượng amoni trong nước	Cái	1				10.237						
	Thiết bị đo nồng độ hàm lượng amoni trong nước	Cái	1				10.237						
	Thiết bị khảo sát dòng quang điện		1				14.502						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Thiết bị khảo sát dòng quang điện		1				14.502						
	Thiết bị khảo sát dòng quang điện		1				14.502						
	Thiết bị khảo sát dòng quang điện		1				14.502						
	Tivi TCL Led 65 P638	Cái	1				11.900						
	Tivi TCL Led 65 P638	Cái	1				11.900						
	Tivi TCL Led 65 P638	Cái	1				11.900						
	Tivi TCL Led 65 P638	Cái	1				11.900						
	Tivi TCL Led 65 P638	Cái	1				11.900						
	Tủ bảo quản hóa chất	Cái	1				18.045						
	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	1				64.187						
	Tủ đựng hóa chất		1				18.045						
	Tủ hút	Cái	1				48.350						
	Tủ hút	Cái	1				48.350						
	Tổng cộng						494.179						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Vi

Ngày 28 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Bùi Minh Quảng

Bộ, tỉnh: Thành phố Đà Nẵng
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Sơn Trà
Mã đơn vị: 1127102
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2023

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Khối nhà đa năng 2 tầng cao 13.5m, S sàn 1.196m2, hệ thống chiếu sáng, cấp điện, thoát nước, chống sét, điều hòa, PCCC, âm thanh, Tường rào 255.5m, nhà xe 110m2, sân bóng đá 490m2, sân tập thể dục 490m2, đường nội bộ									2021	3.440	17.178.782	14.887.132		3.440							
2	Khối phòng học lý thuyết, phòng bộ môn, khu hiệu bộ									2020	1.786	41.394.658	38.083.085		1.786							
	Tổng cộng:										5.226	58.573.440	52.970.218		5.226							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thúy Vi

Ngày 08 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Bùi Minh Quảng

Bộ, tỉnh:

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Sơn Trà

Mã đơn vị: 1127102

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2023

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		440	8.964.471	8.964.471		4.340.903							
	Năm 2018		7	95.475	95.475									
1	Máy chiếu đa năng cường độ sáng 3.000AL	C203	1	20.000	20.000									
2	Máy chiếu đa năng cường độ sáng 3.000AL	HOIDONG	1	20.000	20.000									
3	Máy chiếu đa năng cường độ sáng 3.000AL	C203	1	20.000	20.000									
4	Máy chiếu phòng ngoại ngữ	A	1	18.975	18.975									
5	Máy in HP	YT	1	5.500	5.500									
6	Máy in HP	VP	1	5.500	5.500									
7	Máy in HP	TIN1	1	5.500	5.500									
	Năm 2019		1	11.300	11.300		2.260							
1	Máy tính xách tay Dell 2019	VP	1	11.300	11.300		2.260							
	Năm 2020		217	4.838.586	4.838.586		1.365.185							
1	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x
2	Máy tính để bàn 2018	TV	1	10.900	10.900									x
3	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
4	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
5	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
7	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
8	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
9	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
10	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
11	Máy tính để bàn 2018	VP	1	10.900	10.900									x
12	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x
13	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
14	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x
15	Máy tính để bàn 2018	VP	1	10.900	10.900									x
16	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
17	Máy tính để bàn 2018	HT	1	10.900	10.900									
18	Máy tính để bàn 2018	PHT1	1	10.900	10.900									
19	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
20	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
21	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
22	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x
23	Máy tính để bàn 2018	TV	1	10.900	10.900									x
24	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
25	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x
26	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
27	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
28	Máy photocopy Sharp AR-6026N	VP	1	45.800	45.800		17.175							
29	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
30	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
31	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
32	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
33	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
34	Máy tính để bàn 2018	VP	1	10.900	10.900									x
35	Máy tính để bàn 2018	VPD	1	10.900	10.900									
36	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
37	Máy tính để bàn 2018	VP	1	10.900	10.900									x
38	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
39	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
40	Máy tính để bàn 2018	TV	1	10.900	10.900									
41	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
42	Máy tính để bàn 2018	HOIDONG	1	10.900	10.900									
43	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
44	Máy tính để bàn 2018	TV	1	10.900	10.900									x
45	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
46	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
47	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x
48	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
49	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
50	Máy tính để bàn 2018	C204	1	10.900	10.900									
51	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x
52	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
53	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
54	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
55	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x
56	Tbị cảm biến môn Lý 2019-Bộ thí nghiệm chuyên hóa năng lượng	LY	1	13.660	13.660		6.830							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
57	Tbị cảm biến môn Lý 2019-Bộ thí nghiệm cơ học - động học	LY	1	18.900	18.900		9.450							
58	Tbị cảm biến môn Lý 2019-Bộ thí nghiệm cơ học - động lực học	LY	1	27.690	27.690		13.845							
59	Tbị cảm biến môn Lý 2019-Bộ thí nghiệm điện cho khối THPT	LY	1	46.000	46.000		23.000							
60	Tbị Cảm biến môn Lý 2019-Cảm biến lực	LY	1	10.480	10.480		5.240							
61	Tbị cảm biến môn Lý 2019-Phụ kiện cảm biến chuyên động quay	LY	1	10.850	10.850		5.425							
62	Tbị cảm biến Môn Sinh 2019 - Tbị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cảm tay NC	SINH	1	25.670	25.670		12.835							
63	Tbị cảm biến Môn Sinh 2019 -Bộ thí nghiệm quang hợp/hô hấp thực vật	SINH	1	31.770	31.770		15.885							
64	Tbị cảm biến Môn Sinh 2019 -Cảm biến khí CO2	SINH	1	23.770	23.770		11.885							
65	Tbị cảm biến Môn Sinh 2019 -Cảm biến khí Oxy	SINH	1	17.350	17.350		8.675							
66	Tbị ghi dữ liệu V-log4	LY	1	19.650	19.650		7.369							x
67	Tbị ghi dữ liệu V-log4	LY	1	19.650	19.650		7.369							x
68	Tbị ghi dữ liệu V-log4	LY	1	19.650	19.650		7.369							x
69	Thiết bị chữa cháy và cấp nước (Bơm Diesel, bơm điện, tủ điều khiển, máy bơm cấp nước)	BV	1	314.777	314.777		118.041							
70	Thiết bị tạo giả 7 âm thanh	QP	1	15.300	15.300		9.180							
71	Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07	QP	1	11.900	11.900		7.140							
72	Thiết bị thí nghiệm cảm biến Phòng bộ môn Hóa	HOA	1	109.486	109.486		41.057							
73	Thiết bị thí nghiệm cảm biến phòng bộ môn Sinh	SINH	1	129.590	129.590		48.596							
74	Tủ để súng (160x160x50) 2020	QP	1	8.774	8.774		5.484							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
75	Tủ lạnh 180l	SINH	1	9.900	9.900		3.713							
76	Tủ sấy	SINH	1	90.090	90.090		33.784							
77	Vách ngăn Nhôm kính 2,6m x 6,54m P Thư viện	TV	1	11.500	11.500		8.050							
78	Valy dụng cụ thí nghiệm Hóa	HOA	1	68.210	68.210		25.579							
79	Tbị cảm biến môn Lý 2019- Cảm biến chuyển động quay	LY	1	15.900	15.900		7.950							
80	Tbị cảm biến môn Lý 2019- Cảm biến chuyển động	LY	1	11.200	11.200		5.600							
81	Tbị cảm biến Môn Lý 2019 - Tbị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cầm tay NC	LY	1	25.670	25.670		12.835							
82	Tbị cảm biến Môn Hóa 2019 - Tbị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cầm tay NC	HOA	1	25.670	25.670		12.835							
83	Máy tính để bàn 2018	VP	1	10.900	10.900									x
84	Máy phát tín hiệu (0.001-100.000) Hz	LY	1	38.630	38.630		14.486							x
85	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
86	Máy tính để bàn 2018	TV	1	10.900	10.900									x
87	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
88	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
89	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
90	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
91	Máy tính để bàn 2018	PHT2	1	10.900	10.900									
92	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
93	Máy tính để bàn 2018	TIN2	1	10.900	10.900									x
94	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
95	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
96	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
97	Máy tính để bàn 2018	TIN1	1	10.900	10.900									x
98	Máy tính để bàn 2018	C203	1	10.900	10.900									
99	Máy vi tính P. Ngoại ngữ	A	1	10.494	10.494									
100	Nguồn điện (2-12)V/3A, AC/DC	LY	1	10.680	10.680		4.005							x
101	Nguồn điện (2-12)V/3A, AC/DC	LY	1	10.680	10.680		4.005							x
102	Nguồn điện (2-12)V/3A, AC/DC	LY	1	10.680	10.680		4.005							x
103	Ống nghiệm các loại	HOA	1	24.310	24.310		3.647							
104	Phần mềm điều khiển hệ thống+dây cáp chuyển tín hiệu	C304	1	19.800	19.800									
105	Tbị cảm biến Môn Hóa 2019 - Bộ thí nghiệm chuẩn độ dung dịch	HOA	1	27.500	27.500		13.750							
106	Tbị cảm biến Môn Hóa 2019 - Máy đo màu	HOA	1	10.580	10.580		5.290							
107	Máy tính để bàn 2018	YT	1	10.900	10.900									
108	Máy phát tín hiệu (0.001-100.000) Hz	LY	1	38.630	38.630		14.486							x
109	Thiết bị thí nghiệm cảm biến Phòng Vật lý	LY	1	248.755	248.755		93.283							
110	Máy đo pH kỹ thuật số	HOA	1	12.050	12.050		4.519							x
111	Bộ thí nghiệm điện hóa	HOA	1	11.110	11.110		4.166							x
112	Bộ thí nghiệm điện học 3	LY	1	30.040	30.040		11.265							x
113	Bộ thí nghiệm điện học 3	LY	1	30.040	30.040		11.265							x
114	Bộ thí nghiệm điện học 3	LY	1	30.040	30.040		11.265							x
115	Bộ thí nghiệm điều chế khí từ chất lỏng và rắn	HOA	1	13.520	13.520		5.070							x
116	Bộ thí nghiệm điều chế khí từ chất lỏng và rắn	HOA	1	13.520	13.520		5.070							x
117	Bộ thí nghiệm hô hấp ở thực vật	SINH	1	21.140	21.140		7.928							x
118	Bộ thí nghiệm hô hấp ở thực vật	SINH	1	21.140	21.140		7.928							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
119	Bộ thí nghiệm khảo sát các định luật chất khí	LY	1	47.830	47.830		17.936							x
120	Bộ thí nghiệm khảo sát các định luật chất khí	LY	1	47.830	47.830		17.936							x
121	Bộ thí nghiệm Quang hình học	LY	1	32.700	32.700		12.263							x
122	Bộ thí nghiệm Quang hình học	LY	1	32.700	32.700		12.263							x
123	Bộ thí nghiệm sắc ký bản mỏng về sắc tố lá và axit amin	SINH	1	7.620	7.620		1.143							
124	Bộ thí nghiệm sóng nước biểu diễn	LY	1	59.350	59.350		22.256							
125	Bộ thí nghiệm tổng hợp lực	LY	1	30.470	30.470		11.426							x
126	Bộ thí nghiệm tổng hợp lực	LY	1	30.470	30.470		11.426							x
127	Bộ thí nghiệm trồng cây trong dung dịch	SINH	1	25.490	25.490		9.559							
128	Bộ thiết bị nhiệt	HOA	1	12.260	12.260		4.598							x
129	Bộ thiết bị nhiệt	HOA	1	12.260	12.260		4.598							x
130	Cân điện tử 200g, 0.01g	SINH	1	24.760	24.760		9.285							
131	Cột bóng rổ (bộ/2 cột)	TD	1	54.055	54.055		20.271							
132	Dao động ký, kỹ thuật số, 2 kênh, 30MHz	LY	1	34.330	34.330		12.874							
133	Đệm không khí	LY	1	10.238	10.238		5.119							
134	Bộ thí nghiệm điện hóa	HOA	1	11.110	11.110		4.166							x
135	Bộ thí nghiệm điện hóa	HOA	1	11.110	11.110		4.166							x
136	Bộ thí nghiệm điện hóa	HOA	1	11.110	11.110		4.166							x
137	Bộ thí nghiệm chưng cất	HOA	1	16.550	16.550		6.206							x
138	Máy phát tín hiệu (0.001-100.000) Hz	LY	1	38.630	38.630		14.486							x
139	Bài thí nghiệm điện phân dung dịch muối ăn có màng ngăn	HOA	1	22.690	22.690		8.509							x
140	Bài thí nghiệm điện phân dung dịch muối ăn có màng ngăn	HOA	1	22.690	22.690		8.509							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
141	Bài thí nghiệm đo suất điện động và điện trở trong của nguồn điện	LY	1	15.750	15.750		5.906							
142	Bài thí nghiệm khảo sát sóng dừng	LY	1	17.090	17.090		6.409							x
143	Bài thí nghiệm khảo sát sóng dừng	LY	1	17.090	17.090		6.409							x
144	Bài thí nghiệm thực hành xác định tiêu cự của thấu kính phân kỳ và bước sóng ánh sáng	LY	1	29.970	29.970		11.239							x
145	Bài thí nghiệm thực hành xác định tiêu cự của thấu kính phân kỳ và bước sóng ánh sáng	LY	1	29.970	29.970		11.239							x
146	Bài thí nghiệm xác định hệ số ma sát	LY	1	10.370	10.370		3.889							x
147	Bài thí nghiệm xác định hệ số ma sát	LY	1	10.370	10.370		3.889							x
148	Bài thí nghiệm xác định hệ số ma sát	LY	1	10.370	10.370		3.889							x
149	Đệm nhảy cao (30x80x200)cm	TD	1	12.695	12.695		4.761							x
150	Bài thí nghiệm XD tốc độ truyền âm	LY	1	14.410	14.410		5.404							x
151	Bàn trộn liên công suất 10 ngõ vào	HOIDONG	1	29.800	29.800									
152	Bảng điều khiển chính phòng học ngoại ngữ	A	1	20.966	20.966									
153	Bộ điều khiển tín hiệu trung tâm phòng ngoại ngữ	A	1	20.097	20.097									
154	Bộ dụng cụ đo lường PTN	HOA	1	29.070	29.070		10.901							
155	Bộ dụng cụ đo thể tích các loại	HOA	1	19.950	19.950		2.993							x
156	Bộ dụng cụ đo thể tích các loại	HOA	1	19.950	19.950		2.993							x
157	Bộ giá, kẹp ống nghiệm	HOA	1	25.090	25.090		9.409							
158	Bộ lọ đựng hóa chất	HOA	1	13.110	13.110		1.967							x
159	Bộ lọ đựng hóa chất	HOA	1	13.110	13.110		1.967							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
160	Bộ mô hình phân tử kết hợp	HOA	1	25.260	25.260		9.473							
161	Bộ thí nghiệm chưng cất	HOA	1	16.550	16.550		6.206							x
162	Bài thí nghiệm XD tốc độ truyền âm	LY	1	14.410	14.410		5.404							x
163	Đệm nhảy cao (30x80x200)cm	TD	1	12.695	12.695		4.761							x
164	Bài thí nghiệm thực hành xác định tiêu cự của thấu kính phân kỳ và bước sóng ánh sáng	LY	1	29.970	29.970		11.239							x
165	Điều hòa 1 chiều 11.100 Btu/h	GV3	1	10.000	10.000		3.750							
166	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Poiter 2	C301	1	30.550	30.550									
167	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Poiter 2	C303	1	30.550	30.550									
168	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Poiter 2	C102	1	30.550	30.550									
169	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Poiter 2	C201	1	30.550	30.550									
170	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Poiter 2	C302	1	30.550	30.550									
171	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Poiter 2	C101	1	30.550	30.550									
172	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Poiter 2	C103	1	30.550	30.550									
173	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Poiter 2	C202	1	30.550	30.550									
174	Kênh sóng nước	LY	1	11.006	11.006		5.503							
175	Kính hiển vi KTS ghép nối máy tính độ phóng đại 1000 lần	SINH	1	14.230	14.230		5.336							x
176	Kính hiển vi KTS ghép nối máy tính độ phóng đại 1000 lần	SINH	1	14.230	14.230		5.336							x
177	Kính hiển vi KTS ghép nối máy tính độ phóng đại 1000 lần	SINH	1	14.230	14.230		5.336							x
178	Kính hiển vi KTS ghép nối máy tính độ phóng đại 1000 lần	SINH	1	14.230	14.230		5.336							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
179	Kính hiển vi KTS ghép nối máy tính độ phóng đại 1000 lần	SINH	1	14.230	14.230		5.336							x
180	Kính hiển vi KTS ghép nối máy tính độ phóng đại 1000 lần	SINH	1	14.230	14.230		5.336							x
181	Kính hiển vi KTS với màn hình hiển thị LCD	SINH	1	23.270	23.270		8.726							x
182	Kính hiển vi KTS với màn hình hiển thị LCD	SINH	1	23.270	23.270		8.726							x
183	Kính hiển vi KTS với màn hình hiển thị LCD	SINH	1	23.270	23.270		8.726							x
184	Kính hiển vi KTS với màn hình hiển thị LCD	SINH	1	23.270	23.270		8.726							x
185	Loa toàn dải	HOIDONG	1	25.000	25.000									x
186	Loa toàn dải	HOIDONG	1	25.000	25.000									x
187	Đệm nhảy cao (30x80x200)cm	TD	1	12.695	12.695		4.761							x
188	Máy đo pH kỹ thuật số	HOA	1	12.050	12.050		4.519							x
189	Hệ thống mạng, điện thoại (tủ rack 10U, tủ rack 6U, TBị chia, Switch 16, Switch 48, Bộ phát Wifi	VP	1	123.000	123.000									
190	Hệ thống camera (13 camera, màn hình 43in, switch, Đầu ghi, 13 bộ nguồn, Ổ cứng)	PHT1	1	66.500	66.500		24.938							
191	Kính hiển vi KTS với màn hình hiển thị LCD	SINH	1	23.270	23.270		8.726							x
192	Điều hòa 1 chiều 21.500Btu/h	CN	1	21.500	21.500		8.063							x
193	Hệ thống âm thanh hỗ trợ P. Ngoại ngữ	VPD	1	11.143	11.143									
194	Điều hòa 1 chiều 11.100 Btu/h	GV1	1	10.000	10.000		3.750							
195	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	YT	1	16.700	16.700		6.263							x
196	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	VPD	1	16.700	16.700		6.263							x
197	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	VPD	1	16.700	16.700		6.263							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
198	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	YT	1	16.700	16.700		6.263							x
199	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	PCD	1	16.700	16.700		6.263							
200	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	TT	1	16.700	16.700		6.263							
201	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	PHT2	1	16.700	16.700		6.263							
202	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	PHT1	1	16.700	16.700		6.263							
203	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	VP	1	16.700	16.700		6.263							x
204	Điều hòa 1 chiều 17.150 Btu/h	VP	1	16.700	16.700		6.263							x
205	Điều hòa 1 chiều 21.500 Btu/h	HOIDONG	1	21.500	21.500		8.063							x
206	Điều hòa 1 chiều 21.500Btu/h	TIN1	1	21.500	21.500		8.063							x
207	Điều hòa 1 chiều 21.500 Btu/h	HOIDONG	1	21.500	21.500		8.063							x
208	Điều hòa 1 chiều 21.500Btu/h	KH	1	21.500	21.500		8.063							x
209	Điều hòa 1 chiều 21.500Btu/h	TIN2	1	21.500	21.500		8.063							x
210	Điều hòa 1 chiều 21.500Btu/h	CN	1	21.500	21.500		8.063							x
211	Điều hòa 1 chiều 21.500Btu/h	KH	1	21.500	21.500		8.063							x
212	Điều hòa 1 chiều 11.100Btu/h	GV2	1	10.000	10.000		3.750							
213	Điều hòa 1 chiều 21.500Btu/h	HT	1	21.500	21.500		8.063							
214	Điều hòa 1 chiều 21.500Btu/h	TIN2	1	21.500	21.500		8.063							x
215	Điều hòa 1 chiều 21.500Btu/h	TIN1	1	21.500	21.500		8.063							x
216	Điều hòa 1 chiều 21.500 Btu/h	HOIDONG	1	21.500	21.500		8.063							x
217	Điều hòa 1 chiều 21.500 Btu/h	HOIDONG	1	21.500	21.500		8.063							x
	Năm 2021		188	3.491.133	3.491.133		2.452.240							
1	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
2	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
3	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Máy tính để bàn Lap2 2021 hãng CMS, Model: XE3D-868	Lap2	1	11.500	11.500		6.900							
5	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
6	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
7	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
8	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
9	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
10	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
11	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
12	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
13	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
14	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
15	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
16	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
17	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
18	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
19	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
20	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
21	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
22	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
23	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
24	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
25	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
26	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
27	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
28	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
29	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
30	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
31	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
32	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
33	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
34	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
35	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
36	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
37	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
38	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
39	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
40	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
41	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
42	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
43	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
44	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
45	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
46	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Bộ thí nghiệm cơ học - động học	LY	1	18.810	18.810		14.108							x
47	Nguồn điện 12V/5A 2021	HOA	1	14.710	14.710		11.033							x
48	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Bộ thí nghiệm cơ học - động lực học	LY	1	27.450	27.450		20.588							x
49	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Bộ thí nghiệm điện cho khối THPT	LY	1	44.500	44.500		33.375							x
50	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Bộ thí nghiệm điện cho khối THPT	LY	1	44.500	44.500		33.375							x
51	Tbị Cảm biến môn Lý 2021-Cảm biến lực	LY	1	10.360	10.360		7.770							x
52	Tbị Cảm biến môn Lý 2021-Cảm biến lực	LY	1	10.360	10.360		7.770							x
53	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Phụ kiện cảm biến chuyển động quay	LY	1	10.750	10.750		8.063							x
54	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Phụ kiện cảm biến chuyển động quay	LY	1	10.750	10.750		8.063							x
55	Tbị cảm biến Môn Sinh 2021 - Tbị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cảm tay NC	SINH	1	23.350	23.350		17.513							x
56	Tbị cảm biến Môn Sinh 2021 - Tbị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cảm tay NC	SINH	1	23.350	23.350		17.513							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
57	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Bộ thí nghiệm cơ học - động lực học	LY	1	27.450	27.450		20.588							x
58	Tbị cảm biến Môn Sinh 2021 -Cảm biến khí Oxy	SINH	1	17.200	17.200		12.900							x
59	Tbị cảm biến Môn Sinh 2021-Bộ thí nghiệm quang hợp/hô hấp thực vật	SINH	1	31.430	31.430		23.573							x
60	Tbị cảm biến Môn Sinh 2021-Bộ thí nghiệm quang hợp/hô hấp thực vật	SINH	1	31.430	31.430		23.573							x
61	Thiết bị ghi dữ liệu Lý 2021	LY	1	21.660	21.660		16.245							x
62	Thiết bị ghi dữ liệu Lý 2021	LY	1	21.660	21.660		16.245							x
63	Thiết bị ghi dữ liệu Lý 2021	LY	1	21.660	21.660		16.245							x
64	Thiết bị ghi dữ liệu Lý 2021	LY	1	21.660	21.660		16.245							x
65	Thiết bị hỗ trợ giảng dạy: Bộ âm thanh học đường 2021	SINH	1	42.650	42.650		31.988							
66	Tủ sậy 2021	HOA	1	93.120	93.120		69.840							
67	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
68	Tbị cảm biến Môn Sinh 2021 -Cảm biến khí Oxy	SINH	1	17.200	17.200		12.900							x
69	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Bộ thí nghiệm cơ học - động học	LY	1	18.810	18.810		14.108							x
70	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Bộ thí nghiệm chuyển hóa năng lượng	LY	1	13.470	13.470		10.103							x
71	Tbị cảm biến môn Lý 2021-Bộ thí nghiệm chuyển hóa năng lượng	LY	1	13.470	13.470		10.103							x
72	Nguồn điện 12V/5A 2021	HOA	1	14.710	14.710		11.033							x
73	Nguồn điện 12V/5A 2021	HOA	1	14.710	14.710		11.033							x
74	Nguồn điện AC, DC (2 - 12) V, 3A 2021	LY	1	11.500	11.500		8.625							x
75	Nguồn điện AC, DC (2 - 12) V, 3A 2021	LY	1	11.500	11.500		8.625							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
76	Nguồn điện AC, DC (2 - 12) V, 3A 2021	LY	1	11.500	11.500		8.625							x
77	Nguồn điện AC, DC (2 - 12) V, 3A 2021	LY	1	11.500	11.500		8.625							x
78	Ôn áp Lioa 2021.Model: SH 2000.	Lap2	1	21.600	21.600		12.960							
79	Phần mềm kế toán Misa	VP	1	12.000	12.000		7.200							
80	Phong nền chữ nổi phòng họp 2021	PCD	1	11.122	11.122		8.897							
81	Tbị cầm biên Môn Hóa 2021 - Bộ thí nghiệm chuẩn độ dung dịch	HOA	1	27.320	27.320		20.490							x
82	Tbị cầm biên Môn Hóa 2021 - Bộ thí nghiệm chuẩn độ dung dịch	HOA	1	27.320	27.320		20.490							x
83	Tbị cầm biên Môn Hóa 2021 - Máy đo màu	HOA	1	10.500	10.500		7.875							x
84	Tbị cầm biên Môn Hóa 2021 - Máy đo màu	HOA	1	10.500	10.500		7.875							x
85	Tbị cầm biên Môn Hóa 2021- Tbị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cầm tay NC	HOA	1	23.350	23.350		17.513							x
86	Tbị cầm biên Môn Hóa 2021- Tbị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cầm tay NC	HOA	1	23.350	23.350		17.513							x
87	Tbị cầm biên Môn Lý 2021 - Tbị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cầm tay NC	LY	1	23.350	23.350		17.513							x
88	Tbị cầm biên Môn Lý 2021 - Tbị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cầm tay NC	LY	1	23.350	23.350		17.513							x
89	Tbị cầm biên môn Lý 2021- Cầm biên chuyển động	LY	1	11.000	11.000		8.250							x
90	Tbị cầm biên môn Lý 2021- Cầm biên chuyển động	LY	1	11.000	11.000		8.250							x
91	Tbị cầm biên môn Lý 2021- Cầm biên chuyển động quay	LY	1	15.750	15.750		11.813							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
92	Tbị cảm biến môn Lý 2021- Cảm biến chuyển động quay	LY	1	15.750	15.750		11.813							x
93	Máy tính để bàn TV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TV	1	10.600	10.600		6.360							x
94	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
95	Kính hiển vi kỹ thuật số ghép nối máy tính độ phóng đại 1.000 lần 2021	SINH	1	15.270	15.270		11.453							x
96	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
97	Bộ pipet và giá để pipet 2021	HOA	1	19.270	19.270		14.453							
98	Bộ thí nghiệm chung cất 2021	HOA	1	17.220	17.220		12.915							x
99	Bộ thí nghiệm chung cất 2021	HOA	1	17.220	17.220		12.915							x
100	Bộ thí nghiệm điện học 3 2021	LY	1	25.920	25.920		19.440							x
101	Bộ thí nghiệm điện học 3 2021	LY	1	25.920	25.920		19.440							x
102	Bộ thí nghiệm điện học 3 2021	LY	1	25.920	25.920		19.440							x
103	Bộ thí nghiệm điện học 3 2021	LY	1	25.920	25.920		19.440							x
104	Bộ thí nghiệm hô hấp ở thực vật 2021	SINH	1	23.119	23.119		17.339							x
105	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
106	Bộ thí nghiệm hô hấp ở thực vật 2021	SINH	1	23.119	23.119		17.339							x
107	Camera vật thể 2021 H - PEC, Model: H-101	Lap2	1	17.700	17.700		10.620							
108	Cân điện tử, 200g, 0,01g 2021	SINH	1	25.130	25.130		18.848							x
109	Cân điện tử, 200g, 0,01g 2021	SINH	1	25.130	25.130		18.848							x
110	Cáp đồng bộ kết nối từ bảng điều khiển xử lý dữ liệu của giáo viên tới máy học sinh Dây cáp kết nối chuẩn D-Sub 9pin. 2021	Lap2	1	16.500	16.500		9.900							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
111	Cột bóng chuyền (bộ/2cột) SODEX 2021	TD	1	15.874	15.874		11.906							
112	Cột bóng rổ SODEX 2021	TD	1	17.000	17.000		12.750							
113	Khảo sát đặc tính chỉnh lưu của điốt bán dẫn và đặc tính khuếch đại của tranzito 2021	LY	1	10.220	10.220		7.665							x
114	Khảo sát đặc tính chỉnh lưu của điốt bán dẫn và đặc tính khuếch đại của tranzito 2021	LY	1	10.220	10.220		7.665							x
115	Khảo sát đặc tính chỉnh lưu của điốt bán dẫn và đặc tính khuếch đại của tranzito 2021	LY	1	10.220	10.220		7.665							x
116	Bộ ống nghiệm các loại 2021	HOA	1	32.600	32.600		24.450							
117	Bộ giá, kẹp ống nghiệm 2021	HOA	1	35.740	35.740		26.805							
118	Bộ dụng cụ xác định pH 2021	HOA	1	13.760	13.760		10.320							x
119	Bộ dụng cụ xác định pH 2021	HOA	1	13.760	13.760		10.320							x
120	Bài thí nghiệm điện phân dung dịch muối ăn có màng ngăn 2021	HOA	1	12.050	12.050		9.038							x
121	Bài thí nghiệm điện phân dung dịch muối ăn có màng ngăn 2021	HOA	1	12.050	12.050		9.038							x
122	Bài thí nghiệm điện phân dung dịch muối ăn có màng ngăn 2021	HOA	1	12.050	12.050		9.038							x
123	Bài thí nghiệm điện phân nước 2021	HOA	1	16.290	16.290		12.218							x
124	Bài thí nghiệm điện phân nước 2021	HOA	1	16.290	16.290		12.218							x
125	Bài thí nghiệm điện phân nước 2021	HOA	1	16.290	16.290		12.218							x
126	Bài thí nghiệm điện phân nước 2021	HOA	1	16.290	16.290		12.218							x
127	Bài thí nghiệm xác định hệ số ma sát 2021	LY	1	10.150	10.150		7.613							x
128	Bài thí nghiệm xác định hệ số ma sát 2021	LY	1	10.150	10.150		7.613							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
129	Khảo sát đặc tính chính lưu của điôt bán dẫn và đặc tính khuếch đại của tranzito 2021	LY	1	10.220	10.220		7.665							x
130	Bài thí nghiệm xác định hệ số ma sát 2021	LY	1	10.150	10.150		7.613							x
131	Bài thí nghiệm xác định tốc độ truyền âm 2021	LY	1	15.350	15.350		11.513							x
132	Bài thí nghiệm xác định tốc độ truyền âm 2021	LY	1	15.350	15.350		11.513							x
133	Bài thí nghiệm xác định tốc độ truyền âm 2021	LY	1	15.350	15.350		11.513							x
134	Bài thí nghiệm xác định tốc độ truyền âm 2021	LY	1	15.350	15.350		11.513							x
135	Bảng điều khiển xử lý dữ liệu của giáo viên Lap2 2021 Hãng sản xuất: H - PEC.Model: LL - 3000T	Lap2	1	152.800	152.800		91.680							
136	Bộ chất chỉ thị axit- bazơ 2021	HOA	1	10.690	10.690		8.018							
137	Bộ chậu thí nghiệm 2021	HOA	1	11.730	11.730		8.798							x
138	Bộ chậu thí nghiệm 2021	HOA	1	11.730	11.730		8.798							x
139	Bộ dụng cụ thủy tinh các loại 2021	HOA	1	50.670	50.670		38.003							
140	Bài thí nghiệm xác định hệ số ma sát 2021	LY	1	10.150	10.150		7.613							x
141	Khung cầu môn bóng đá SODEX 2021	TD	1	17.850	17.850		13.388							x
142	Bộ thí nghiệm hô hấp ở thực vật 2021	SINH	1	23.119	23.119		17.339							x
143	Kính hiển vi kỹ thuật số ghép nối máy tính độ phóng đại 1.000 lần 2021	SINH	1	15.270	15.270		11.453							x
144	Máy chiếu đa năng 2021, H-PEC.Model: HC- 306XL	C304	1	19.500	19.500		11.700							
145	Máy chiếu đa năng 2021, H-PEC.Model: HL-3817IT	Lap2	1	35.700	35.700		21.420							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
146	Máy phát tín hiệu (0,001 - 100.000) Hz 2021	LY	1	43.270	43.270		32.453							x
147	Máy phát tín hiệu (0,001 - 100.000) Hz 2021	LY	1	43.270	43.270		32.453							x
148	Máy phát tín hiệu (0,001 - 100.000) Hz 2021	LY	1	43.270	43.270		32.453							x
149	Máy phát tín hiệu (0,001 - 100.000) Hz 2021	LY	1	43.270	43.270		32.453							x
150	Máy tính để bàn GV 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							
151	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
152	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
153	Máy chiếu đa năng 2021, H-PEC.Model: HC- 306XL	HOA	1	19.500	19.500		11.700							
154	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
155	Khung cầu môn bóng đá SODEX 2021	TD	1	17.850	17.850		13.388							x
156	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
157	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
158	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
159	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
160	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
161	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
162	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
163	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
164	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
165	Máy chiếu đa năng 2021, H-PEC.Model: HC- 306XL	TIN1	1	19.500	19.500		11.700							
166	Máy tính để bàn HS 2021 hãng CMS, Model: XE2H-866	TIN2	1	10.600	10.600		6.360							x
167	Máy chiếu đa năng 2021, H-PEC.Model: HC- 306XL	LY	1	19.500	19.500		11.700							
168	Kính hiển vi kỹ thuật số ghép nối máy tính độ phóng đại 1.000 lần 2021	SINH	1	15.270	15.270		11.453							x
169	Kính hiển vi kỹ thuật số ghép nối máy tính độ phóng đại 1.000 lần 2021	SINH	1	15.270	15.270		11.453							x
170	Kính hiển vi kỹ thuật số ghép nối máy tính độ phóng đại 1.000 lần 2021	SINH	1	15.270	15.270		11.453							x
171	Kính hiển vi kỹ thuật số ghép nối máy tính độ phóng đại 1.000 lần 2021	SINH	1	15.270	15.270		11.453							x
172	Kính hiển vi kỹ thuật số ghép nối máy tính độ phóng đại 1.000 lần 2021	SINH	1	15.270	15.270		11.453							x
173	Kính hiển vi kỹ thuật số ghép nối máy tính độ phóng đại 1.000 lần 2021	SINH	1	15.270	15.270		11.453							x
174	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD 2021	SINH	1	23.960	23.960		17.970							x
175	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD 2021	SINH	1	23.960	23.960		17.970							x
176	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD 2021	SINH	1	23.960	23.960		17.970							x
177	Máy chiếu đa năng 2021, H-PEC.Model: HC- 306XL	A205	1	19.500	19.500		11.700							
178	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD 2021	SINH	1	23.960	23.960		17.970							x

STT	Đanh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
179	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD 2021	SINH	1	23.960	23.960		17.970							x
180	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD 2021	SINH	1	23.960	23.960		17.970							x
181	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD 2021	SINH	1	23.960	23.960		17.970							x
182	Máy cắt nước 1 lần 2021	HOA	1	90.910	90.910		68.183							
183	Máy cắt nước 1 lần, 4h/lít 2021	SINH	1	90.910	90.910		68.183							
184	Máy chiếu đa năng 2021 CNTT2, H-PEC.Model: HC- 306XL	TIN2	1	19.500	19.500		11.700							
185	Máy chiếu đa năng 2021, H-PEC.Model: HC- 306XL	A206	1	19.500	19.500		11.700							
186	Máy chiếu đa năng 2021, H-PEC.Model: HC- 306XL	C104	1	19.500	19.500		11.700							
187	Máy chiếu đa năng 2021, H-PEC.Model: HC- 306XL	SINH	1	19.500	19.500		11.700							
188	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD 2021	SINH	1	23.960	23.960		17.970							x
	Năm 2022		3	33.799	33.799		27.039							
1	Máy vi tính xách tay HP14s-dq2620TU	PHT1	1	11.266	11.266		9.013							
2	Máy vi tính xách tay HP14s-dq2620TU	PHT2	1	11.266	11.266		9.013							
3	Máy vi tính xách tay HP14s-dq2620TU	HT	1	11.266	11.266		9.013							
	Năm 2023		24	494.179	494.179		494.179							
1	Tủ hút	Phòng bộ môn Sinh	1	48.350	48.350		48.350							x
2	Tủ đựng hóa chất	Phòng bộ môn Hóa	1	18.045	18.045		18.045							x
3	Tủ bảo quản kính hiển vi	Phòng bộ môn Sinh	1	64.187	64.187		64.187							x
4	Tủ bảo quản hóa chất	Phòng bộ môn Sinh	1	18.045	18.045		18.045							x
5	Tivi TCL Led 65 P638	Phòng học 103	1	11.900	11.900		11.900							x
6	Tivi TCL Led 65 P638	Phòng học 201	1	11.900	11.900		11.900							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Tivi TCL Led 65 P638	Phòng học 203	1	11.900	11.900		11.900							x
8	Tivi TCL Led 65 P638	Phòng học 303	1	11.900	11.900		11.900							x
9	Tivi TCL Led 65 P638	Phòng học 202	1	11.900	11.900		11.900							x
10	Thiết bị khảo sát dòng quang điện	Phòng bộ môn Lý	1	14.502	14.502		14.502							x
11	Thiết bị khảo sát dòng quang điện	Phòng bộ môn Lý	1	14.502	14.502		14.502							x
12	Thiết bị khảo sát dòng quang điện	Phòng bộ môn Lý	1	14.502	14.502		14.502							x
13	Thiết bị đo nồng độ hàm lượng amoni trong nước	Phòng bộ môn Sinh	1	10.237	10.237		10.237							x
14	Thiết bị đo nồng độ hàm lượng amoni trong nước	Phòng bộ môn Sinh	1	10.237	10.237		10.237							x
15	Thiết bị đo nồng độ oxy hòa tan trong nước	Phòng bộ môn Sinh	1	11.260	11.260		11.260							x
16	Thiết bị đo nồng độ oxy hòa tan trong nước	Phòng bộ môn Sinh	1	11.260	11.260		11.260							x
17	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Phòng Lad 2	1	14.800	14.800		14.800							x
18	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Phòng Lad 2	1	14.800	14.800		14.800							x
19	Cột, bảng rô	Nhà đa năng	1	11.630	11.630		11.630							x
20	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	Phòng bộ môn Lý	1	38.780	38.780		38.780							x
21	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	Phòng bộ môn Lý	1	38.780	38.780		38.780							x
22	Bộ thiết bị cơ khí cỡ nhỏ	Phòng bộ môn Lý	1	17.910	17.910		17.910							x
23	Thiết bị khảo sát dòng quang điện	Phòng bộ môn Lý	1	14.502	14.502		14.502							x
24	Tủ hút	Phòng bộ môn Hóa	1	48.350	48.350		48.350							x
	Tổng cộng		440	8.964.471	8.964.471		4.340.903							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)


Nguyễn Thị Thủy Vi

Ngày 08 tháng 11 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Bùi Minh Quảng

Bộ, tỉnh: Thành phố Đà Nẵng
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Sơn Trà
Mã đơn vị: 1127102
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng															

Ngày 08 tháng 4 năm 2024.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thụy Vi

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Bùi Minh Quảng

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2023

Số TT	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê					Liên doanh, liên kết						
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê (đồng/tháng)	Tên đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số... ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ... đến...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên kết	Đối tác liên doanh, liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số... ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ... đến...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất					17,025,000	Hộ kinh doanh Đỗ Thanh Tùng			136,200						
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vi

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Minh Quảng